

CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN VIETSUN
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN VIETSUN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIETSUN DEVELOPMENT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: VIETSUN DEVELOPMENT CO., LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0109252887

3. Ngày thành lập: 06/07/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

12 Nguyễn Phong Sắc, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất điện Chi tiết: - Sản xuất điện từ khí thiên nhiên; - Sản xuất điện từ năng lượng gió; - Sản xuất điện từ năng lượng mặt trời; - Sản xuất điện từ các dạng năng lượng khác: sóng biển, thủy triều, diezen...	3511(Chính)
2.	Xây dựng công trình điện	4221
3.	Xây dựng nhà để ở	4101
4.	Xây dựng nhà không để ở	4102
5.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
6.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
7.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
8.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
9.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
10.	Phá dỡ	4311
11.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
12.	Xây dựng công trình thủy	4291
13.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
14.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
15.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
16.	Xây dựng công trình đường bộ	4212

17.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất.	7410
18.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
19.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
20.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
21.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
22.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
23.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
24.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
25.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
26.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Giám sát công tác xây dựng công trình dân dụng - công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật; - Giám sát công tác xây dựng công trình giao thông; - Giám sát công tác xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; - Giám sát công tác lắp đặt thiết bị vào công trình; - Thiết kế quy hoạch xây dựng; - Khảo sát xây dựng, bao gồm: Khảo sát địa hình; khảo sát địa chất công trình; - Lập quy hoạch xây dựng; - Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình, bao gồm: Thiết kế kiến trúc công trình; thiết kế kết cấu công trình dân dụng - công nghiệp; thiết kế cơ - điện công trình; thiết kế cấp - thoát nước công trình; thiết kế xây dựng công trình giao thông; thiết kế xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật; - Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng; - Kiểm định xây dựng; - Quản lý chi phí đầu tư xây dựng; - Tư vấn thiết kế, tư vấn thẩm định, tư vấn giám sát, tư vấn kiểm tra, kiểm định kỹ thuật về phòng cháy và chữa cháy; - Thiết kế máy móc và thiết bị;	7110
27.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
28.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753

29.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Kinh doanh phương tiện, thiết bị, vật tư phòng cháy và chữa cháy - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện; - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng; - Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu - Bán buôn máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính; - Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường; - Bán buôn máy móc, thiết bị y tế; - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng;	4659
30.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
31.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
32.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
33.	Bán buôn thực phẩm	4632
34.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
35.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
36.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
37.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
38.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
39.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
40.	Bán buôn đồ uống	4633
41.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Bán buôn nhiên liệu, dầu mỡ nhờn, dầu bôi trơn	4661
42.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn hoá chất công nghiệp; - Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp - Bán buôn chế phẩm sinh học, chế phẩm vi sinh - Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại/phi kim loại, nguyên liệu để tái sinh - Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép.	4669
43.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (không bao gồm hoạt động đầu giá).	4511
44.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) (không bao gồm hoạt động đầu giá)	4512

45.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (không bao gồm hoạt động đầu giá)	4513
46.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
47.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (không bao gồm hoạt động đầu giá)	4530
48.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
49.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ vàng miếng, vàng nguyên liệu và kim loại, quặng kim loại Nhà nước cấm)	4662
50.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
51.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
52.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
53.	Thu gom rác thải độc hại	3812
54.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
55.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
56.	Tái chế phế liệu	3830
57.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
58.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
59.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
60.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
61.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
62.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
63.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
64.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
65.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
66.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
67.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
68.	Trồng lúa	0111
69.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
70.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
71.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
72.	Trồng cây hàng năm khác	0119
73.	Trồng cây ăn quả	0121
74.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
75.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
76.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
77.	Trồng cây lâu năm khác	0129
78.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141

79.	Chăn nuôi khác	0149
80.	Chăn nuôi gia cầm	0146
81.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
82.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa	0142
83.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
84.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
85.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
86.	Khai thác muối Chi tiết: - Sản xuất muối từ nước biển, nước mặn ở hồ hoặc nước mặn tự nhiên khác; - Nghiền, tẩy rửa, và tinh chế muối phục vụ cho sản xuất.	0893
87.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
88.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
89.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	0891
90.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0722
91.	Khai thác quặng sắt	0710
92.	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu (trừ các loại Nhà nước cấm)	0899
93.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác (trừ các hoạt động Nhà nước cấm)	0990
94.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
95.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
96.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
97.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
98.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
99.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
100.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển; - Gửi hàng; - Giao nhận hàng hóa; - Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan; - Hoạt động của các đại lý vận tải hàng hóa; - Hoạt động liên quan khác: bao gói hàng hóa, dỡ hàng hóa, lấy mẫu, cân hàng hoá; - Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay, ô tô, tàu hỏa. - Dịch vụ logistics;	5229
101.	Cho thuê xe có động cơ	7710

102.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo hợp đồng; - Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô	4932
103.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô;	4933
104.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Dịch vụ môi giới bất động sản; - Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản; - Dịch vụ tư vấn bất động sản; - Dịch vụ quản lý bất động sản;	6820
105.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
106.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư;	6619
107.	Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm Chi tiết: Đại lý bảo hiểm	6622
108.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Dịch vụ chuyển giao công nghệ;	7490
109.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
110.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
111.	Dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn	8020
112.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
113.	Quảng cáo	7310
114.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
115.	Đại lý du lịch	7911
116.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
117.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
118.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
119.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
120.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa; - Môi giới mua bán hàng hóa; (Không bao gồm: Đại lý chứng khoán, bảo hiểm, môi giới tài chính, chứng khoán, bảo hiểm, hoạt động đấu giá)	4610

121.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đầu Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh	8299
------	---	------

6. Vốn điều lệ: 9.000.000.000 VNĐ

7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: _____ Giới tính: _____
 Sinh ngày: _____ Dân tộc: _____ Quốc tịch: _____
 Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: _____
 Số giấy chứng thực cá nhân: _____
 Ngày cấp: _____ Nơi cấp: _____
 Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: _____
 Chỗ ở hiện tại: _____

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN HỒNG LONG _____ Giới tính: *Nam*
 Chức danh: *Tổng giám đốc*
 Sinh ngày: *02/02/1976* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*
 Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*
 Số giấy chứng thực cá nhân: *001076022870*
 Ngày cấp: *28/01/2019* Nơi cấp: *Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*
 Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 39 phố 8/3, Phường Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*
 Chỗ ở hiện tại: *Số 39 phố 8/3, Phường Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội